

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH NAM TIỀN

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH NAM TIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INVESTMENT TRADING SERVICES AND TRAVEL NAM TIEN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAM TIEN .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107494376

3. Ngày thành lập: 04/07/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Vị trí 16, BT 10, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913903558

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
2.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
3.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
4.	Trồng cây ăn quả	0121
5.	Trồng cây lâu năm khác	0129
6.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
7.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
9.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
10.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
11.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
12.	Khai thác gỗ	0221
13.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
14.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
15.	In ấn	1811
16.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
17.	Sao chép bản ghi các loại	1820
18.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ.	5221
21.	Bốc xếp hàng hóa	5224
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Bán buôn Than đá, Xăng dầu, Khí đốt	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn, véc ni, cát, sỏi, xi măng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim;	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn quà tặng lưu niệm	4669
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
32.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
35.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
38.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
39.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
40.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
43.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
44.	Hoạt động hậu kỳ	5912
45.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
46.	Cổng thông tin	6312
47.	Xây dựng nhà các loại	4100
48.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
49.	Xây dựng công trình công ích	4220
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:	4290
51.	Phá dỡ	4311
52.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
53.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
54.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
55.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá Môi giới thương mại và đại lý thương mại	4610
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
60.	Bán buôn gạo	4631
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn va li, túi, cặp, ví, thắt lưng, hàng du lịch, nước hoa, nước thơm, dầu thơm, mỹ phẩm, hàng gốm, sứ, thủy tinh	4649
64.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
65.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
68.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
69.	Vận tải hành khách đường bộ khác Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô Điều	4932

70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải. Nhóm này cũng gồm: - Hoạt động chuyển đồ đạc; - Cho thuê xe tải có người lái; - Vận tải hàng hoá bằng xe động vật hoặc người kéo.	4933
71.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
72.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
73.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
74.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
75.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
76.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
77.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
78.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
79.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
80.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
83.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
84.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

85.	Hoạt động tư vấn quản lý Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý.	7020
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 Luật Xây dựng 2014) - Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 151 Luật Xây dựng 2014) - Tư vấn quản lý dự án (Điều 152 Luật Xây dựng 2014) - Khảo sát xây dựng (Điều 153 Luật Xây dựng 2014) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng 2014) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 155 Luật Xây dựng 2014) - Tổ chức tư vấn quản lý đầu tư xây dựng trình (Điều 156 Luật Xây dựng 2014)	7110
87.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ;	7210
88.	Quảng cáo	7310
89.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
90.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
91.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; - Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường;	7490
92.	Cho thuê xe có động cơ	7710
93.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Cho thuê Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,, thiết bị sản xuất điện ảnh,	7730
95.	Đại lý du lịch	7911
96.	Điều hành tua du lịch	7912(Chính)
97.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
98.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 12.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ DƯƠNG QUÂN	Số 11A Tân La, Xa La, TDP 11, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	20,000	001077003204	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	20,000		
2	PHẠM NGỌC QUÂN	., Xã Hồng Thuận, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	15,000	036077002095	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	15,000		
3	VŨ MẠNH TIỀN	., Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	35,000	111298866	
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	35,000		
4	NGUYỄN MẬU CHÍN	., Thị trấn Kỳ Sơn, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	15,000	1132332605	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	15,000		
5	TẠ QUANG DŨNG	., Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	15,000	111605931	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ MẠNH TIẾN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *30/11/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111298866*

Ngày cấp: *28/07/2009*

Nơi cấp: *CA HÀ NỘI*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *., Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *., Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*